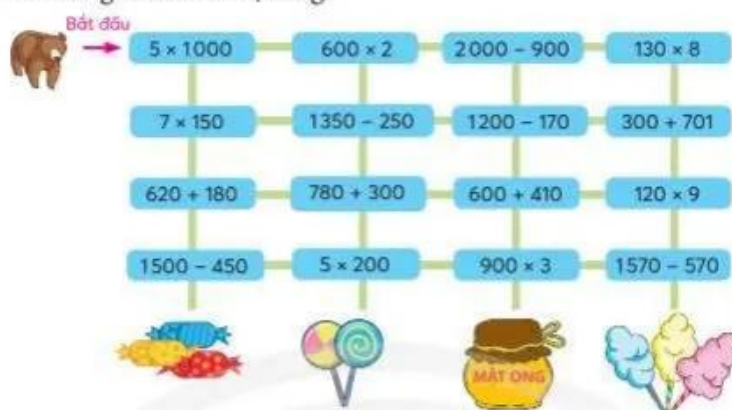


+ Chọn phép tính có kết quả lớn hơn 1 000.

+ Xác định đường đi tới hũ mật ong.



Lưu ý: Có thể đi nhiều cách.

CÙNG CỐ

GV có thể cho HS chơi ĐỐ BẠN.

Mỗi HS viết một số (tròn nghìn trong phạm vi 10 000) vào bảng con để chơi.

GV: Đố bạn, đố bạn. HS: Đố gì, đố gì?

GV lấy bảng của HS đưa lên và nói: Số này được lấy 2 lần (Ví dụ: 4 000).

Cả lớp: Tám nghìn.

(HS có thể chơi theo nhóm bốn, hoặc HS thay nhau lên điều khiển lớp chơi.)

CHIA SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (3 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện chia số có bốn chữ số cho số có một chữ số theo thuật tính (không tương minh các tích trong mỗi lượt chia).

- Thực hiện cộng, trừ, nhân, chia nhẩm các số tròn nghìn.

- Tính giá trị của biểu thức, tìm thành phần chưa biết của phép tính nhân, chia.

- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến số đo đại lượng.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV và HS: Các thẻ số theo phần Cùng học (nếu cần).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

GV tổ chức cho HS hát hoặc chơi để khởi động.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Xây dựng biện pháp chia các số có bốn chữ số cho số có một chữ số

a) $1218 : 3$

Có thể tiến hành như sau.

GV viết bảng: $1218 : 3 = ?$

- Thực hiện phép chia này như thế nào? (Giống như chia số có ba chữ số.)

- HS lần lượt **nói** cách đặt tính và tính, GV trình bày trên bảng (vẫn trình bày đủ các tích trong mỗi lượt chia).

- GV dùng các miếng bìa che các tích, HS lần lượt **nói** cách chia (như SGK).

- GV giới thiệu: Để trình bày việc thực hiện một phép chia cho ngắn gọn, người ta thường không viết các tích trong mỗi lượt chia và thực hiện trừ nhẩm.

- GV nói trình tự đặt tính, tính và viết lên bảng, HS **thực hiện** chia trên bảng con.

$$\begin{array}{r} 1218 \quad | \quad 3 \\ \underline{01} \\ 18 \\ \underline{18} \\ 0 \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ 406 \end{array}$$

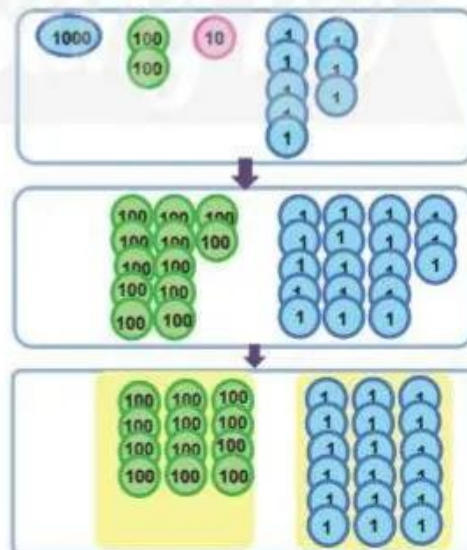
$$\begin{array}{r} 1218 \quad | \quad 3 \\ \underline{01} \\ 18 \\ \underline{18} \\ 0 \end{array}$$

$$1218 : 3 = 406$$

- 12 chia 3 được 4, viết 4.
4 nhân 3 bằng 12;
12 trừ 12 bằng 0.
- Hạ 1; 1 chia 3 được 0, viết 0.
0 nhân 3 bằng 0;
1 trừ 0 bằng 1.
- Hạ 8, được 18;
18 chia 3 được 6, viết 6.
6 nhân 3 bằng 18;
18 trừ 18 bằng 0.

- Nếu cần GV sử dụng các thẻ số để tường minh cách làm.

GV lưu ý giải thích tại sao có chữ số 0 ở thương.



b) 8725 : 2

- HS **thực hiện** phép tính trên bảng con.
- GV thường xuyên nhắc HS không viết các tích và thực hiện trừ nhầm.
- Sửa bài, nếu cần GV sử dụng các thẻ số để tường minh cách làm.
- GV lưu ý HS số dư < số chia.

$$\begin{array}{r} 8725 \quad | \quad 2 \\ 07 \quad | \quad 4362 \\ 12 \quad | \\ 05 \quad | \\ 1 \end{array}$$

$$8725 : 2 = 4362 \text{ (dư 1)}$$

- 8 chia 2 được 4, viết 4.
4 nhân 2 bằng 8;
8 trừ 8 bằng 0.
- Hạ 7; 7 chia 2 được 3, viết 3.
3 nhân 2 bằng 6;
7 trừ 6 bằng 1.
- Hạ 2, được 12;
12 chia 2 được 6, viết 6.
6 nhân 2 bằng 12;
12 trừ 12 bằng 0.
- Hạ 5; 5 chia 2 được 2, viết 2.
2 nhân 2 bằng 4;
5 trừ 4 bằng 1.

2. Thực hành

Bài 1:

- Có thể tiến hành như sau:
 - Ba phép tính đầu: HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia** sẻ nhóm đôi.
 - Ba phép tính sau: Tổ chức trò chơi tiếp sức cho các tổ.
- GV lưu ý luôn nhận xét và chỉnh sửa việc đặt tính và tính.
- Khi sửa bài, GV lưu ý HS nêu cách thực hiện với những bài có 0 ở thương.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài.
 - Yêu cầu của bài là gì? (Số?)
 - Tìm thế nào? (Tìm thương hoặc số bị chia dựa vào mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia hoặc dựa vào quy tắc tìm số bị chia.)
- HS **làm** bài cá nhân.
- Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm, khuyến khích HS **nói** về mối quan hệ giữa phép nhân và chia.
- HS **nhận xét** về mối quan hệ của hai phép tính:
 $8840 : 4 = 2210; 2210 \times 4 = 8840.$
 $3352 : 8 = 419; 419 \times 8 = 3352.$

Bài 2:

- **Tìm hiểu** bài:
Nhóm hai HS **đọc** yêu cầu: Xác định đúng hay sai, tại sao sai và sửa lại cho đúng.
- Khi sửa bài, khuyến khích HS **nói** lý do bài c sai và sửa lại.

Bài 3:

- HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài rồi **thực hiện**.
- Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.
- a) Đúng, $432 \text{ g} \times 3 = 1296 \text{ g}$
 $1 \text{ kg} = 1000 \text{ g}, 1296 \text{ g} > 1000 \text{ g}.$
- b) Sai, $5400 \text{ ml} : 8 = 675 \text{ ml}$
 $1 \text{ l} = 1000 \text{ ml}, 675 \text{ ml} < 1000 \text{ ml}.$

Bài 4:

– **Tìm hiểu bài:**

Bài toán yêu cầu gì? (Tìm số)

– HS **thực hiện** nhóm đôi: **Thảo luận và làm bài.**

HS thực hiện vào bảng con.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn như vậy.

a) Thực hiện nhẩm từ trên xuống dưới.

b) $? \times 8 = 8000$. Vận dụng cách tìm thừa số chưa biết.

c) $2000 : 4 = ?$; $? : 5 = 2000$. Vận dụng cách tìm số bị chia.

– GV lưu ý HS cách thực hiện bài, bắt đầu từ những dữ kiện đã cho.

Bài 5:

– **Tìm hiểu bài.**

+ **Đọc** kĩ để bài.

+ **Xác định** cái đã cho và câu hỏi của bài toán.

– Nhóm đôi **thảo luận**, tìm cách giải quyết.

+ Muốn biết thời gian lau dọn mỗi căn phòng là bao nhiêu phút cần biết lau dọn 6 căn phòng hết bao nhiêu phút.

+ Cần chuyển đổi 3 giờ sang phút.

– HS **trình bày** bài cá nhân.

Bài giải

$$3 \text{ giờ} = 180 \text{ phút}$$

$$180 : 6 = 30$$

Cô Lê lau dọn 1 căn phòng mất 30 phút.

Sửa bài: Khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn phép tính chia.

Dùng 180 phút để dọn 6 căn phòng, thời gian lau dọn mỗi căn phòng là như nhau.

→ Chia đều 180 phút thành 6 phần.

Thử thách

– HS nhóm bốn **tìm hiểu** bài, **thảo luận** tìm cách giải quyết.

– Các nhóm có thể **thực hiện** theo các cách khác nhau, chẳng hạn:

+ **Đếm thêm** 1 giờ:

15 giờ 45 phút, 16 giờ 45 phút → 1 giờ.

16 giờ 30 phút, 17 giờ 30 phút, 18 giờ 30 phút → 2 giờ.

+ HS cũng có thể **xoay kim đồng hồ** để tìm thời gian đọc sách của mỗi người.

– Sửa bài:

Người dành nhiều thời gian cho việc đọc sách hơn là chị An.

GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** cách thực hiện.

– Giáo dục ích lợi của việc đọc sách.

Vui học

– HS thực hiện nhóm đôi: **Đọc** nội dung, **thảo luận**.

Khối lượng voi gấp 4 lần khối lượng hươu cao cổ

→ Khối lượng voi giảm đi 4 lần thì được khối lượng hươu cao cổ.

Cũng có thể suy luận:

Khối lượng voi gấp 4 lần khối lượng hươu cao cổ

→ Voi = Hươu \times 4

→ Hươu = Voi : 4

→ 5 000 kg : 4 = 1 250 kg

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

Đặt nước em

– GV có thể chuẩn bị những đoạn clip về voi ở Bản Đôn (Đắk Lắk) để giới thiệu cho HS.

– HS **tìm hiểu** nội dung, **chia sẻ** những hiểu biết về loài voi, về voi Bản Đôn.

Hoạt động thực tế

– Tìm vị trí các tỉnh Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Đắk Lắk, Đắk Nông, Đồng Nai và Bình Phước trên bản đồ (SGK trang 88).

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ? (2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Ôn tập nhân, chia các số có bốn chữ số với số có một chữ số.

– Sử dụng các kiến thức về phép nhân và phép chia để giải quyết vấn đề đơn giản.

– Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đo lường: khối lượng, dung tích.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, nhân ái.

B. Thiết bị dạy học

GV: hình vẽ bài Vui học (nếu cần).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

GV có thể tổ chức cho HS chơi “Tìm bạn”.

– HS **viết** một số tròn nghìn bất kì (trong phạm vi 10 000) vào bảng con.

– Một HS **đưa** bảng con lên trước lớp để tìm bạn.